|  |  |
| --- | --- |
| BỘ MÔN: VĂNKHỐI LỚP: 12TUẦN: 6/HK1 (từ 11**/**10/2021 đến 16/10/2021) |  |

**TRƯỜNG THPT PHÚ NHUẬN**

 **PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**I.Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:**

 1. Nội dung 1: Luật thơ

 2. Nội dung 2: Tây Tiến

 \* Nguồn tài liệu cần có: SGK tập 1 hoặc SGK điện tử

 \* Nguồn tài liệu tham khảo: Tài khoản MS Teams ( Bài giảng đã được lưu lại)

 **II.Kiến thức cần ghi nhớ:**

HS cần đạt được :

1. **Nội dung 1 : Luật thơ**

 - Nắm được một số quy tắc về số câu, số tiếng, vần, nhịp, thanh,. của một số thể thơ truyền thống (lục bát, ngũ ngôn, song thất lục bát và thất ngôn Đường luật), từ đó hiểu thêm về những đổi mới, sáng tạo của thơ hiện đại.

 - Biết lĩnh hội và phân tích thơ theo những quy tắc của luật thơ.

Hs đọc sgk từ trang 101 đến trang 107 cần chú ý khái quát luật thơ; một số thể thơ truyền thống; các thể thơ hiện đại.

1.1. Khái quát về luật thơ

- Khái niệm: Luật thơ là toàn bộ những qui tắc về số câu, số tiếng, cách hiệp vần, phép hài thanh, ngắt nhịp…trong các thể thơ được khái quát theo những kiểu mẫu nhất định

 - Các thể thể Việt Nam có thể phân chia thành 3 nhóm chính:

+ Thơ dân tộc: Lục bát, song thất lục bát, hát nói

+ Đường luật: Ngũ ngôn, thất ngôn (tứ tuyệt và bát cú)

+ Hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ - văn xuôi,…

- Sự hình thành luật thơ:

\* Tiếng là đơn vị có vai trò quan trọng:

Tiếng là đơn vị cấu tạo ý nghĩa và nhạc điệu dòng thơ, bài thơ.

- Vần của tiếng → hiệp vần (mỗi thể thơ có vị trí hiệp vần khác nhau).

 - Thanh của tiếng → hài thanh

 - Tiếng là cơ sở để ngắt nhịp (mỗi thể thơ có cách ngắt nhịp khác nhau).

=> Số tiếng, vần, thanh của tiếng và ngắt nhịp là cơ sở để hình thành luật thơ

\* Số dòng trong bài thơ, quan hệ của các dòng thơ về kết cấu, về ý nghĩa cũng là yếu tố hình thành luật thơ

1.2. Một số thể thơ truyền thống

- Thể lục bát:

- Thể song thất lục bát:

- Các thể ngũ ngôn Đường luật*:* Ngũ ngôn tứ tuyệt; Ngũ ngôn bát cú

*-* Các thể thơ hiện đại: Ảnh hưởng của thơ Pháp; Vừa tiếp nối luật thơ trong thơ truyền thống vừa có sự cách tân

\*Chú ý Ghi nhớ sgk/ 107

1.3. Luyện tập sgk/ 107

Phân biệt cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh:

1. Hai câu song thất:

- Gieo vần: “*Nguyệt, mịt*”: Tiếng thứ 7 và tiếng thứ 5

→ vần lưng

- Ngắt nhịp: 3/4

- Hài thanh: Tiếng thứ 3: “ *thành, Tuyền*”: đều là tiếng B

b.Thể thất ngôn Đường luật:

- Gieo vần: *“xa, hoa, nhà”:* Tiếng cuối câu 1, 2, 4 → vần chân, vần cách ( hoa – nhà).

- Ngắt nhịp: 4/3

- Hài thanh: Tiếng thứ 2, 4, 6 tuân thủ đúng luật hài thanh của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt:

 + Tiếng thứ 2 các dòng:

 suối, lồng, khuya, ngủ

 T B B T

 + Tiếng thứ 4 các dòng:

 như, thụ, vẽ, lo

 B T T B

 + Tiếng thứ 6 các dòng:

 hát, lồng, chưa, nước

 T B B T

* 1. Luyện tập sgk/127,128
* **Bài 1**: So sánh những nét giống nhau và khác nhau về cách gieo vần, ngắt nhịp, hài thanh trong luật thơ ngũ ngôn truyền ở bài *Mặt trăng* (mục II.3 trang 103-104 SGK) với đoạn thơ năm tiếng bài *Sóng* của Xuân Quỳnh.

   *Sóng* là bài thơ ngũ ngôn hiện đại, *Mặt trăng* là thơ ngũ ngôn truyền thống, hai bài thơ có những điểm giống và khác nhau:

*\* Giống nhau:*

- Mỗi câu có năm tiếng.

- Đều có thể dùng vần chân, vần liền, vần lưng, vẫn cách, …

- Các thanh bằng trắc cũng có thể đối nhau, nhất là những vị trí quan trọng.

*\* Khác nhau:*



**Bài 2** : Phân tích cách gieo vần, ngắt nhịp khổ đầu bài thơ *Tống biệt hành* của Tâm Tâm để thấy sự đổi mới, sáng tạo trong thể thơ bảy tiếng hiện đại so với thất ngôn truyền thống.

Đưa người - ta không đưa qua "sông", (2-5)

Sao có - tiếng sóng ở trong "lòng"? (2-5)

Bóng chiều không thắm, - không vàng vọt, (4-3)

Sao đầy hoàng hôn - trong mắt "trong"? (4-3)

- Cách gieo vần: gieo vần chân ở cuối câu thơ thứ 1, thứ 2 và thứ 4: sông, lòng, trong. Đây là vần bằng (B).

- Cách ngắt nhịp: hai câu 3 và 4 theo cách ngắt nhịp của thất ngôn truyền thống; nhưng hai câu 1 và 2 lại ngắt nhịp 2-5 cho phù hợp với tình cảm và cảm xúc của tác giả trong buổi đưa tiễn người bạn lên đường.

**Bài 3**: Ghi lại mô hình luật bài *Mời trầu*



**Bài 4**: Tìm những yếu tố vần, nhịp và hài thanh của khổ đầu bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận để chứng minh ảnh hưởng của thể thơ thất ngôn bát cú trong thơ mới.



- Gieo vần: vần chân, gieo vần cách (song, dòng) và là vần bằng (B)

- Ngắt nhịp: 4-3 (như cách ngắt nhịp trong thể thơ thất ngôn bát cú)

- Hài thanh: theo đúng mô hình của thể thơ thất ngôn bát cú (đã ghi các thanh bằng (B) và trắc (T) ở các tiếng thứ 2, 4, 6 trên bốn dòng thơ).

1. **Nội dung 2: Tây Tiến**

**Nội dung cần đạt**

* Cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ, mĩ lệ của thiên nhiên miền Tây và hình tượng người lính Tây Tiến.
* Nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật trong bài thơ: bút pháp lãng mạn, những sáng tạo về hình ảnh, ngôn ngữ và giọng điệu.

 HS đọc sgk trang 87,chú ý về cuộc đời tác giả Quang Dũng, các tác phẩm tiêu biểu, hoàn cảnh ra đời của bài thơ

**2.1. Tìm hiểu chung**

- HS đọc phần Tiểu dẫn, đọc Văn bản trong sgk trang 87 tìm hiểu những nét chính về cuộc đời tác giả, sự nghiệp, xuất xứ bài thơ *Tây Tiến*, bố cục.

2.2.1. Tác giả:

 - Tên thật : Bùi Đình Diệm (1921 – 1988).

 - Quê hương: Phượng Trì - Đan Phượng – Hà Tây.

 - Cuộc đời :

+ Là người đa tài: Làm thơ, viết văn, vẽ tranh …

+ Được biết nhiều với tư cách là nhà thơ.

+ Phong cách sáng tác: vừa hồn nhiên vừa tinh tế, lãng mạn và hào hoa.

 - Sáng tác chính: Mây đầu ô (1968), Thơ văn Quang Dũng (1988),…

 **2.2.2. Tác phẩm**

a. Hoàn cảnh sáng tác :

- Tây Tiến là tên một đơn vị quân đội được thành lập vào năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao quân đội Pháp ở thượng Lào và miền tây Bắc bộ Việt Nam.

- Địa bàn đóng quân và hoạt động của Tây Tiến khá rộng gồm các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, miền Tây Thanh Hóa và Sầm Nưa (Lào).

- Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, chiến đấu trong hoàn cảnh vô vùng gian khổ, vật chất thiếu thốn nhưng các anh vẫn lạc quan và chiến đấu dũng cảm.

- Đoàn quân Tây Tiến sau một thời gian hoạt động ở Lào, trở về thành lập trung đoàn 52.

- Quang Dũng làm đại đội trưởng ở đó đến cuối năm 1948 được chuyển sang đơn vị khác.

- Nhớ đơn vị cũ, Quang Dũng viết bài thơ “Nhớ Tây Tiến” tại Phù Lưu Chanh. Khi in trong tập “Mây đầu ô”, tác giả đổi lại là “Tây Tiến”.

b. Bố cục :

Đoạn 1: Nhớ đường hành quân gian khổ của đoàn quân Tây Tiến và khung cảnh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội.

Đoạn 2: Nhớ những đêm liên hoan văn văn nghệ đậm tình quân dân và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.

Đoạn 3: Chân dung người lính Tây Tiến

Đoạn 4: Lời thề gắn bó với Tây Tiến và vùng đất Tây Bắc.

**2.2. Tìm hiểu nội dung bài thơ**

 HS cần kết hợp việc phân tích văn bản, lập luận điểm theo hướng bố cục đã chia để rèn luyện kĩ năng phân tích đề, lập dàn ý bài văn nghị luận

**2.2.1. Đoạn 1: Nhớ đường hành quân gian khổ của đoàn quân Tây Tiến và khung cảnh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội.**

**Nỗi nhớ tha thiết Tây Bắc trong tâm tưởng nhà thơ:**

* Câu cảm thán, cách gọi thân thương: *“Tây Tiến ơi!”* và điệp từ *“nhớ”* nhấn mạnh nỗi nhớ.
* Cụm từ: *“nhớ chơi vơi”* là nỗi nhớ mênh mang, nhớ cồn cào, ám ảnh, nhớ không nguôi.
* **Nhớ núi rừng Tây Bắc hiểm trở, hoang sơ, hùng vĩ, nên thơ và con đường hành quân gian khổ của chiến sĩ Tây Tiến:**
* Nhớ núi rừng Tây Bắc và chiến sĩ Tây Tiến hành quân gian lao, vất vả, hi sinh nhưng không hề nản lòng, nhụt chí.
* Lời thơ giàu chất tạo hình, có chất hội họa, điện ảnh khắc họa hình ảnh có chiều rộng, chiều cao, chiều sâu, từ gần đến xa… ,vận dụng thủ pháp đối lập đặc sắc *(núi cao, dốc thẳm, ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống, đường quanh co gấp khúc, cao chót vót).*
* Từ ngữ tạo hình *(khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút,…),* lối nhân hóa hóm hỉnh, độc đáo *(súng ngửi trời, cọp trêu người,…).*
* Thanh điệu biến hóa linh hoạt do sự phối hợp các thanh bằng, trắc trong các câu 3-4 và 7-8 góp phần miêu tả cảnh hùng vĩ nên thơ, dịu dàng, ấm áp (*hương hoa tỏa trong đêm, mưa xa khơi)* gợi một vẻ đẹp độc đáo riêng của Tây Bắc.
* Hình thức nói giảm *“ Anh bạn dãi dầu không bước nữa, gục lên súng mũ bỏ quên đời”* nhắc đến người lính Tây Tiến với cái chết thầm lặng trên bước đường hành quân gian khổ, khắc sâu tính chất gian nan vô định của cuộc hành trình.
* Bút pháp hiện thực và lãng mạn đan xen mô tả cái khốc liệt, dữ dội và thơ mộng, nhẹ nhàng.
* Giọng thơ linh hoạt, vừa hào hùng, vừa thiết tha.
* Tâm hồn giàu cảm xúc, cảm hứng lãng mạn và cách viết tài hoa tạo nên một phong cách viết chân thực, độc đáo mà lãng mạn của Quang Dũng.
* **Nhớ cuộc sống bình dị và tình người ấm áp của nhân dân Tây Bắc:**
* Hình ảnh các bản làng xa xôi với sinh hoạt bình dị, nhẹ nhàng nói lên tấm lòng cao quý của người dân vùng biên giới dành cho bộ đội những bữa cơm dẻo thơm, những bát xôi thơm ngon ấm tình quân dân.
* Lời thơ vừa trang nhã vừa hùng mạnh, hình ảnh nhẹ nhàng, nét bút mềm mại, dạt dào cảm hứng lãng mạn, giọng thơ thiết tha…
* Đoạn thơ bộc lộ nỗi nhớ da diết về núi rừng Tây Bắc vừa hiểm trở, hoang sơ vừa phong phú, diễm lệ và người chiến sĩ giàu ý chí, vững niềm tin, nghị lực kiên cường, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp Cách Mạng.
* Bút pháp hiện thực và lãng mạn đan xen.
* Tâm hồn tác giả thơ mộng, giàu cảm xúc- cảm nhận tinh tế từng vẻ đẹp thiên nhiên.

***2.2.2.* Đoạn 2: Nhớ những đêm liên hoan văn văn nghệ đậm tình quân dân và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.**

* **4 câu đầu: Gợi nhớ lại đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị.**

- Động từ “ bừng”: bừng tỉnh, bừng sáng: cả doanh trại bừng dậy, qua rồi cuộc sống gian khổ. Đó còn là sự bừng sáng của tâm hồn.

- "hội đuốc hoa":

 + đêm liên hoan văn nghệ như một ngày hội.

 + đuốc hoa :hoa chúc (T.Hán) :tiệc cưới🡪 Đêm liên hoan văn nghệ qua cái nhìn trẻ trung, tinh nghịch, yêu đời của người lính như một tiệc cưới.

- Những cô gái Thái:dáng điệu e ấp, tình tứ trong bộ xiêm áo uốn lượn → như cô dâu trong tiệc cưới, là nhân vật trung tâm, là linh hồn của đêm văn nghệ.

- **Những người lính:**

+ *Kìa em*: ngỡ ngàng, ngạc nhiên cả sự hân hoan, vui sướng trước vẻ đẹp của cô gái Tây Bắc

+ Say mê âm nhạc với vũ điệu mang màu sắc của xứ lạ → Tâm hồn lãng mạn dễ kích thích, hấp dẫn.

* Bằng những nét bút mềm mại, tinh tế, tác giả đã vẽ nên đêm liên hoan văn nghệ diễn ra trong không khí ấm áp tình người, tưng bừng, nhộn nhịp có ánh sáng, màu sắc. Gợi nét lãng mạn, tình quân dân thắm thiết.
* **4 câu sau: cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.**

- Dòng sông đậm màu sắc cổ tích, huyền thoại nổi bật lên dáng hình mềm mại của cô gái Thái trên chiếc thuyền độc mộc. Và như hoà hợp với con người, những bông hoa rừng cũng "đong đưa" làm duyên trên dòng nước lũ.

- Nghệ thuật: láy vắt dòng🡪 câu thơ trở nên mềm mại, uyển chuyển, níu kéo nhau.

🡪 Thiên nhiên và con người như hoà vào nhau tạo thành bức tranh hữu tình.

* Tóm lại: Bốn câu thơ đầu ngân nga như tiếng hát, như nhạc điệu cất lên từ tâm hồn ngây ngất, say mê của những người lính. Trong đoạn thơ sau, chất thơ và chất nhạc hoà quyện với nhau đến mức khó tách biệt.

**2.2.3. Đoạn 3: Chân dung người lính Tây Tiến**

* **Người lính Tây Tiến có ngoại hình kì dị, gây ấn tượng đặc biệt (câu 1-2):**
* Các chi tiết tả thực *“không mọc tóc, xanh màu lá”* khắc họa diện mạo độc đáo, phản ánh chân thật hoàn cảnh gian khổ, thiếu thốn, bệnh tật nơi chiến trường miền Tây, vùng rừng thiêng nước độc, gây hậu quả: tóc rụng, da dẻ xanh xao (liên hệ *“Đồng chí”: “Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh. Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi”*- Chính Hữu).
* Đối lập với vẻ ngoài ốm yếu tiều tụy đó là sức mạnh tinh thần to lớn của người lính → hình ảnh ẩn dụ *“dữ oai hùm”* bộc lộ vẻ dũng mãnh, oai phong khiến kẻ thù khiếp sợ.
* **Tâm hồn lãng mạn, hào hùng, hào hoa (câu 3-4):**
* *“Mắt trừng gửi mộng qua biên giới”*: phản ánh quyết tâm làm tròn nghĩa vụ bảo vệ biên cương Tổ quốc → câu thơ gợi khí phách anh hùng của tráng sĩ ngày xưa kết hợp tinh thần thời đại, hào khí dân tộc sau CMT8.
* Là những thanh niên Hà Nội lên đường đi kháng chiến, tâm hồn người lính vẫn nhớ về Thủ đô → hình ảnh *“dáng kiều thơm”* tô đậm sắc thái lãng mạn, nơi biên giới vẫn không quên nét đẹp thanh lịch, kiều diễm của thiếu nữ Hà thành.
* **Phẩm chất cao đẹp, quên mình vì Tổ quốc (4 câu cuối):**
* *“Rải rác biên cương mồ viễn xứ”:* ở đoạn đầu bài thơ, người lính đã kiệt sức ngã xuống.
* “ Chiến trường....đời xanh”: thái độ dứt khoát ra đi với tất cả ý thức trách nhiệm, không tính toán. Sẵn sàng hiến dâng tuổi thanh xuân cho đất nước
* *“Anh bạn dãi dầu không bước nữa…”*🡪 nói giảm nói tránh🡪 là hình ảnh những nấm mồ dọc biên giới → hình ảnh *“mồ viễn xứ”* và từ láy *“rải rác”* gợi vẻ cô đơn, hiu hắt của những cái chết xa nhà nhưng các từ Hán Việt *“biên cương, viễn xứ”* đầy cổ kính, trang trọng lại giảm nhẹ bi thương, buồn mà không bi lụy.

“ mồ viễn xứ”, “ áo bào thay chiếu”: từ Hán Việt: nấm mồ của người chiến sĩ trở thành mộ chí tôn nghiêm.

+ "áo bào": cái chết sang trọng.

* Cái bi nâng lên thành hùng tráng bởi lí tưởng của người nằm xuống. Cái chết bi hùng, có bi nhưng không luỵ
* Biện pháp nói giảm *“anh về đất”*, nhân hóa *“Sông Mã gầm…”* xen lẫn các từ Hán Việt trang trọng, ca ngợi sự hi sinh thầm lặng bi tráng của người chiến sĩ, được thiên nhiên tiễn đưa bằng khúc nhạc trầm hùng.
* Cả đoạn thơ là cảm hứng bi tráng về cuộc đời chiến đấu gian khổ, tư tưởng lạc quan và sự hi sinh gian khổ, anh dũng của người lính.
* ***Nhận xét chung:***

***-***Bút pháp lãng mạn, xây dựng những hình ảnh phi thường, độc đáo nhưng không thoát ly hiện thực, đã khắc họa được vẻ đẹp của người chiến sĩ thời kì đầu kháng chiến chống Pháp.

-Dùng nhiều từ Hán Việt gợi không khí trang trọng hào hùng bi tráng, âm điệu biến đổi phù hợp nội dung cảm xúc → là đoạn thơ hay, sống mãi trong lòng người đọc.

**2.2.4. Lời thề gắn bó với Tây Tiến và đồng đội:**

Nét hào hùng của những tráng sĩ xưa

* Tinh thần quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh

 *“Tây Tiến người đi không hẹn ước*

 *Đường lên thăm thẳm một chia phôi*

 *Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy*

 *Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi”*

🡪 thời điểm mơ mộng hào hùng một đi không trở lại.

- Câu kết “ Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi” thể hiện tinh thần “ một đi không trở lại” Gợi không khí một thời đại ra đi kháng chiến “thà chết chớ lui” của tuổi trẻ VN trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

**2.3. Tổng kết:**

**\* Nội dung:**

      Nhà thơ hồi tưởng nhớ ulại những chặng đường đã qua, những kỉ niệm sâu sắc. Đồng thời ca ngợi chí khí hào hùng của người lính Tây Tiến .

**\* Nghệ thuật:**

- Cảm hứng và bút pháp lãng mạn.

 - Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt,…

 - Kết hợp chất hợp và chất họa.

2.4. Củng cố

- Vẻ đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến : Hào hùng , hào hoa.

- Cảm hứng lãng mạn và chất bi tráng của bài thơ.

**2.5. Luyện tập:**

HS tuần này tập trung luyện tập Phân tích đề, lập dàn ý đề sau:

Phân tích vẻ đẹp hình tượng người lính trong bài thơ “ Tây Tiến” – Quang Dũng